



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP PIV

Ngày 30/09/2025	2,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-7.1%	-7.1%	-

DT thuần Q3/25
0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.25 -100%

LN thuần Q3/25
-0.12
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.04 26.6%
YoY: ▲ 0.06 34.8%

LN sau thuế Q3/25
-0.12
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.19 62.1%
YoY: ▲ 0.09 44.1%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25

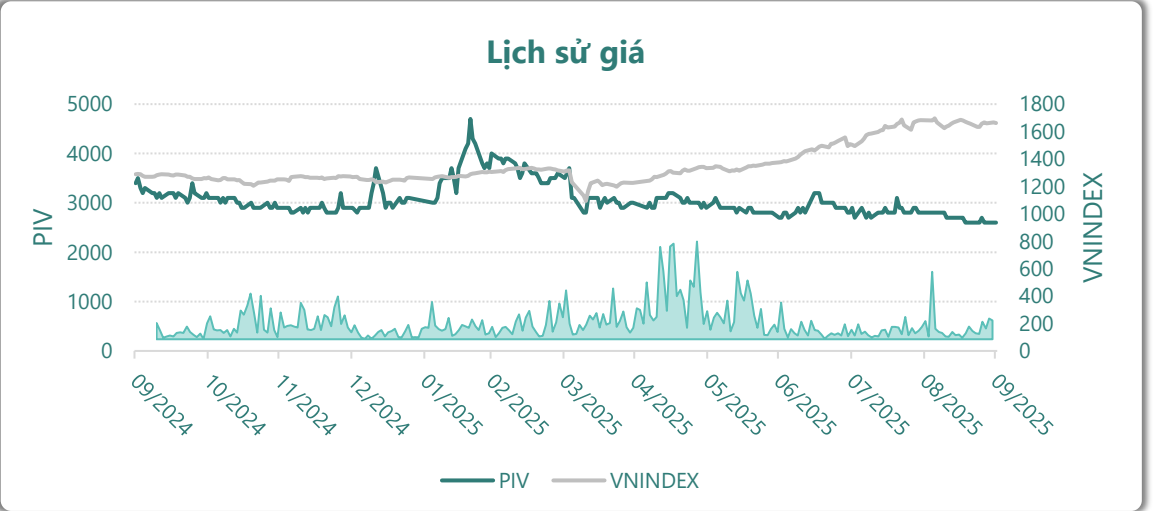
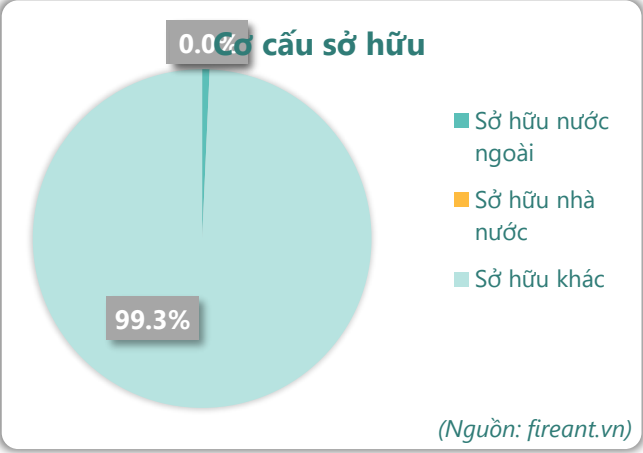
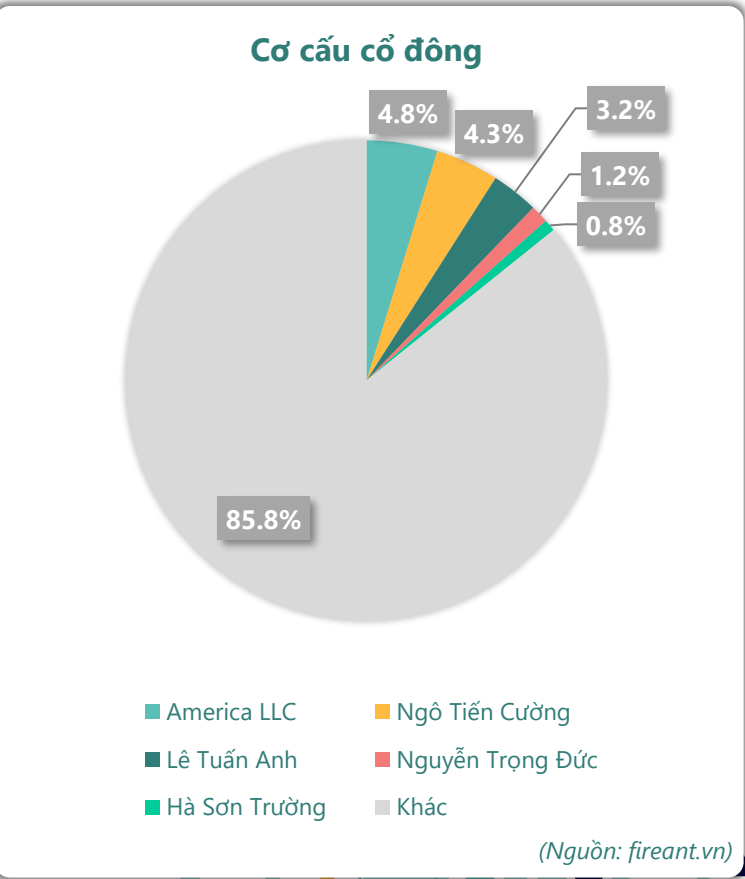
ROE (TTM) Q3/25
-53.5%
YoY: +/-▲ 0.2%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	2,600 - 4,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	45
Số lượng CPLH (CP)	17,324,942
KLGD BQ 20 phiên (CP)	65,000
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	1.29
EPS	-50
P/E	-51.9

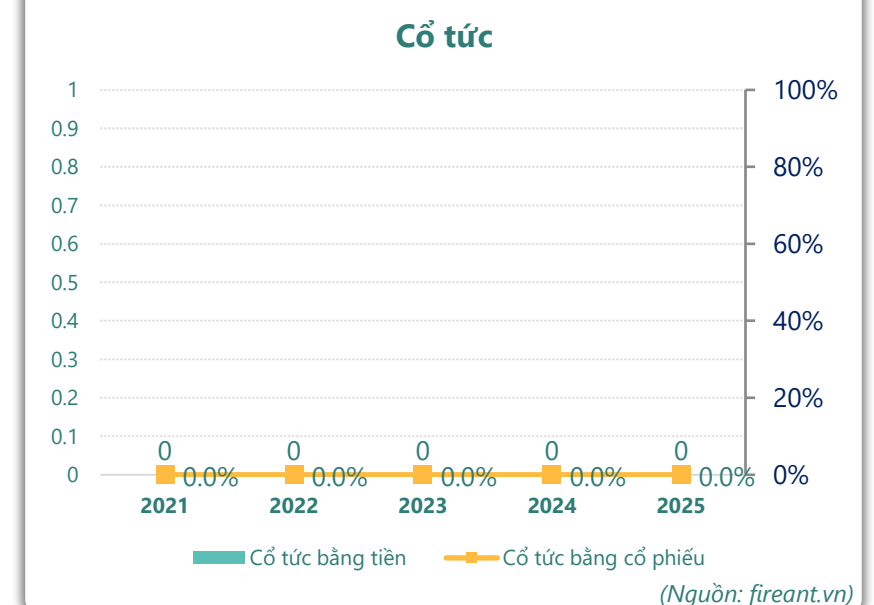
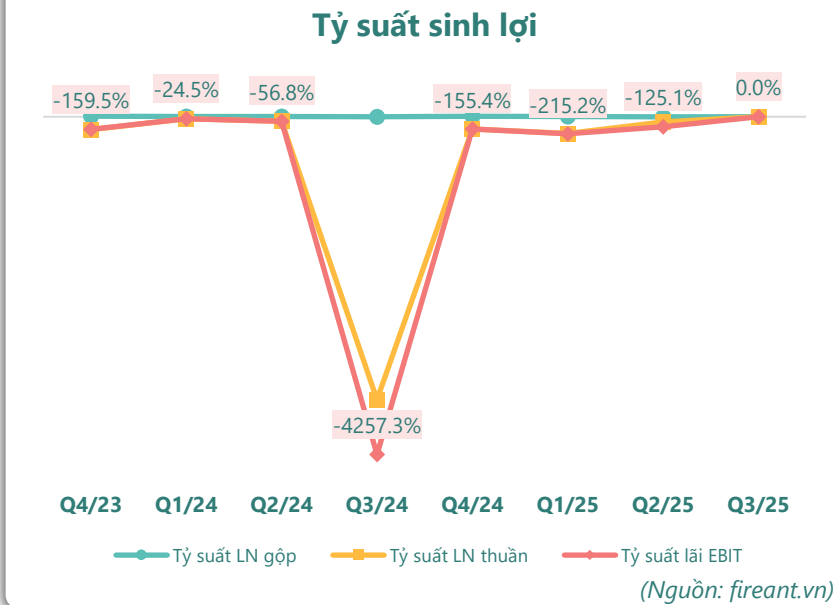
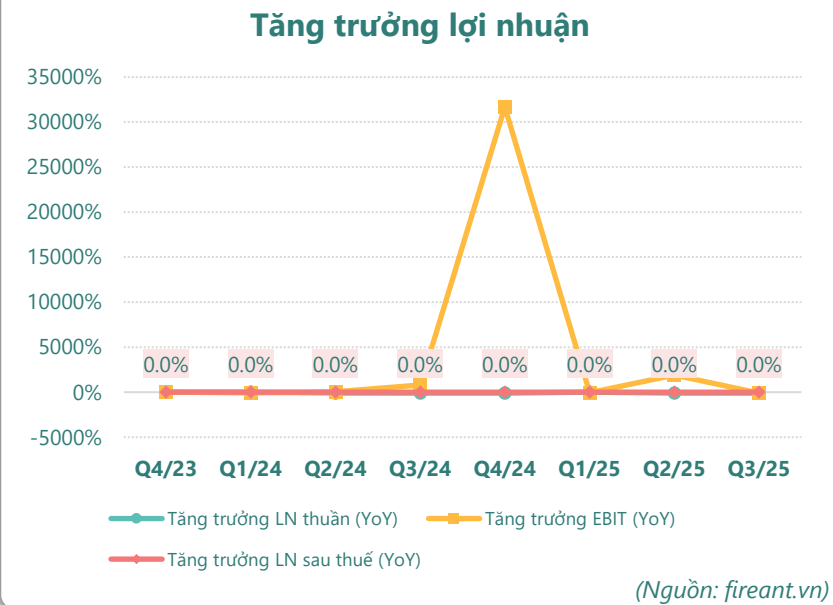
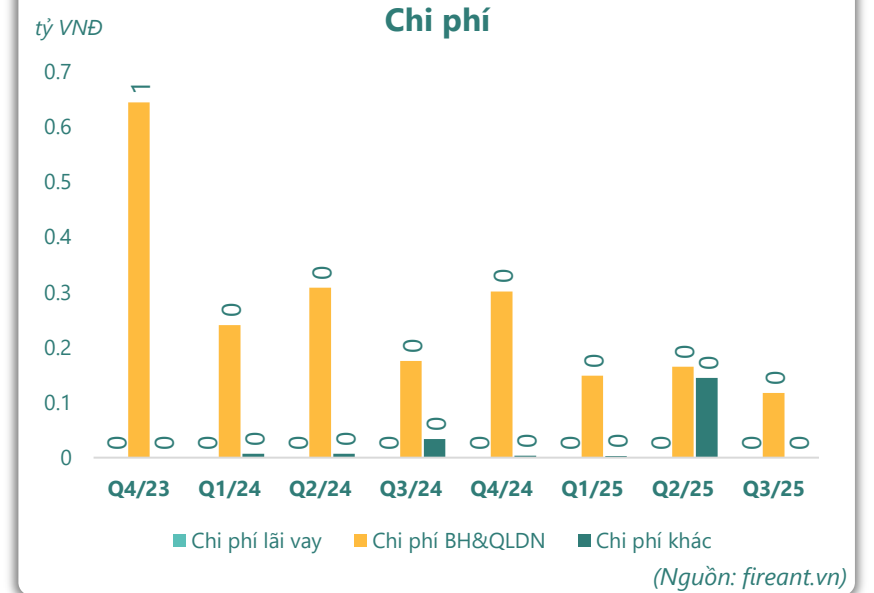
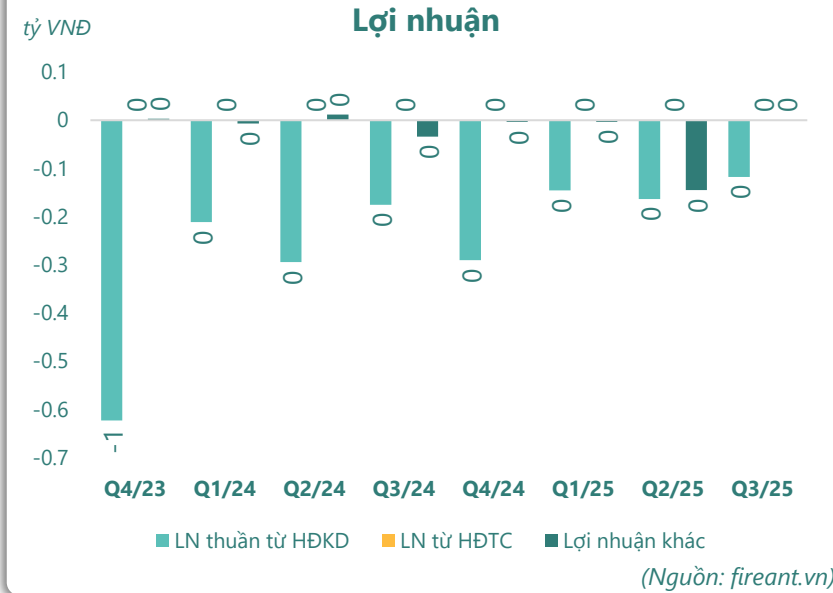
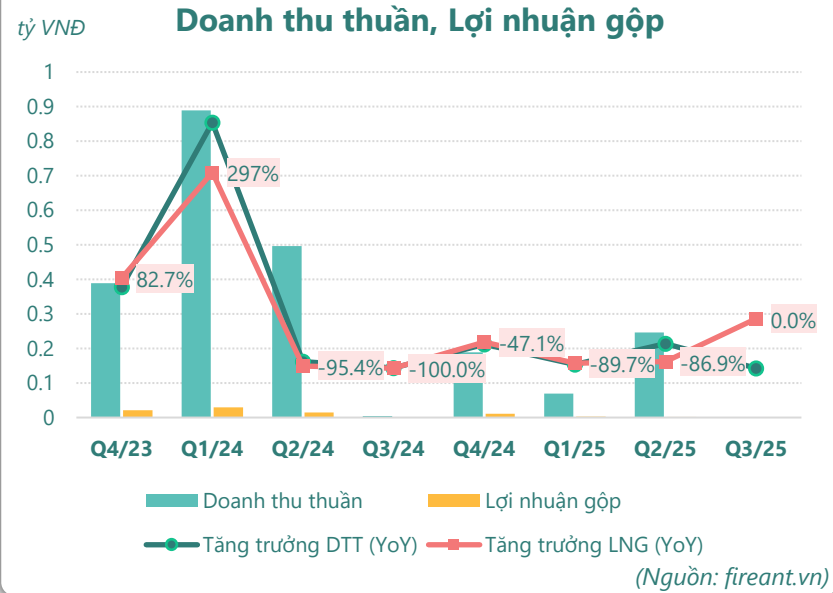
DT thuần 9T 2025
0.32
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.07 -77.3%

LN thuần 9T 2025
-0.43
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.25 37.4%

LN sau thuế 9T 2025
-0.57
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.14 19.1%



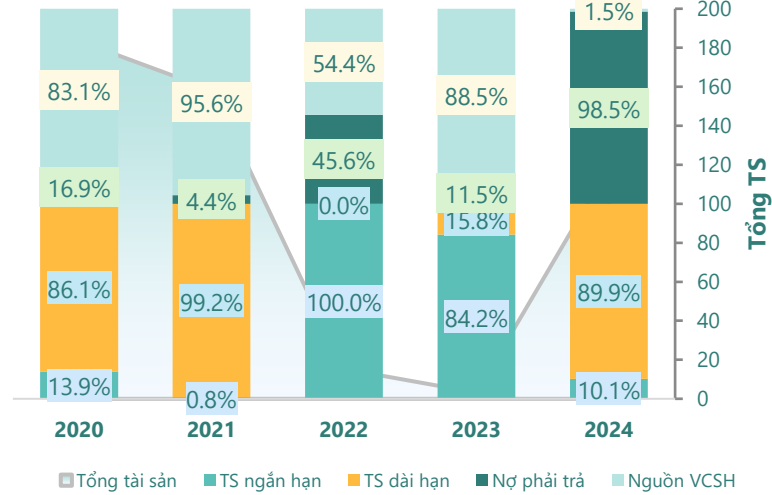
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

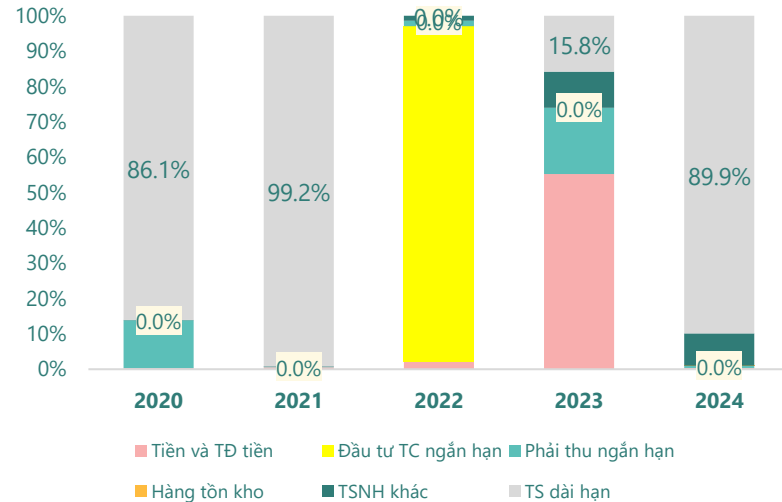
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

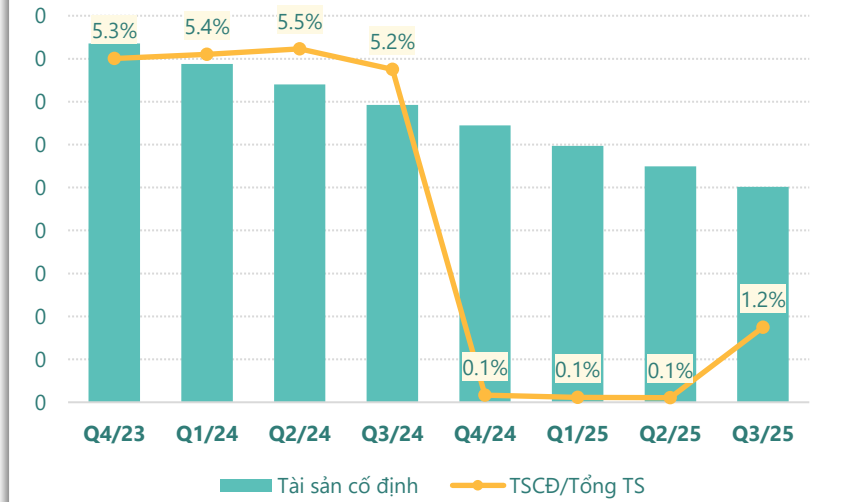
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

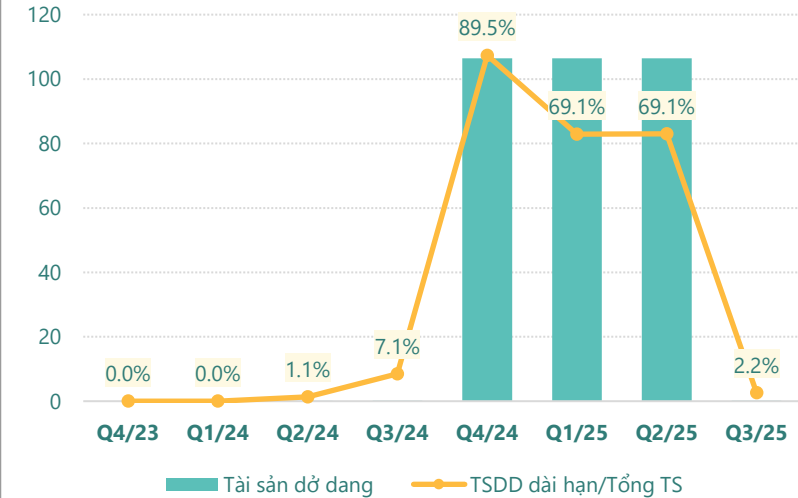
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

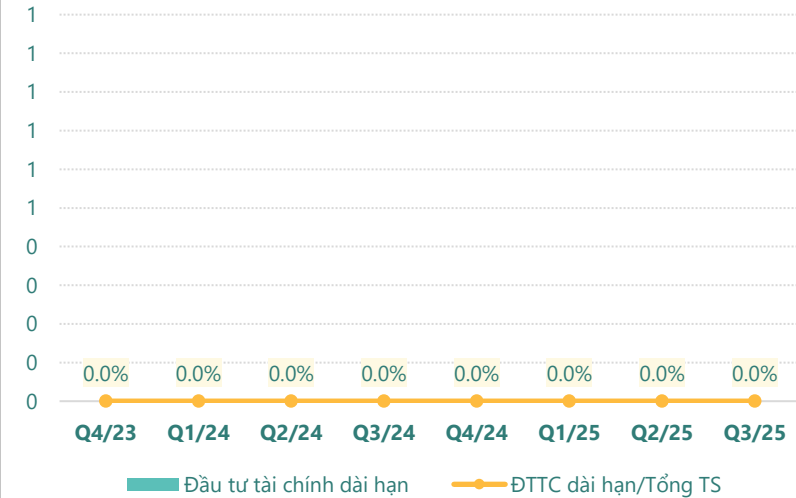
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

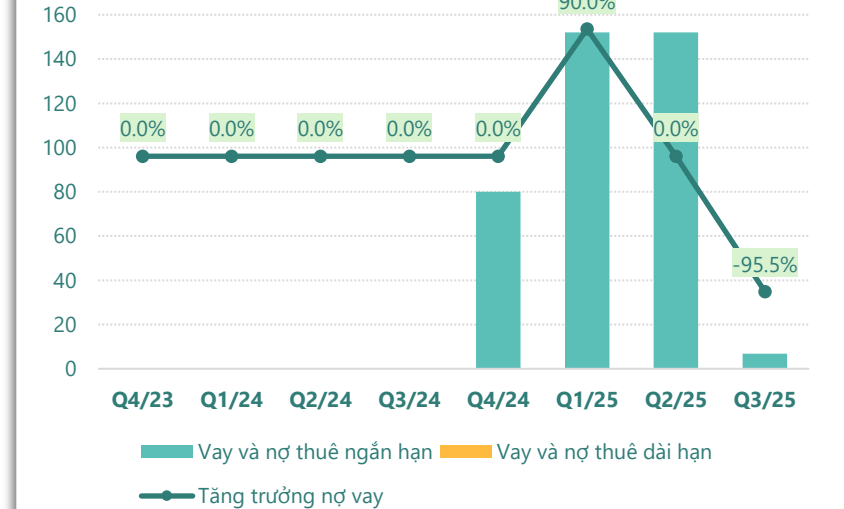
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

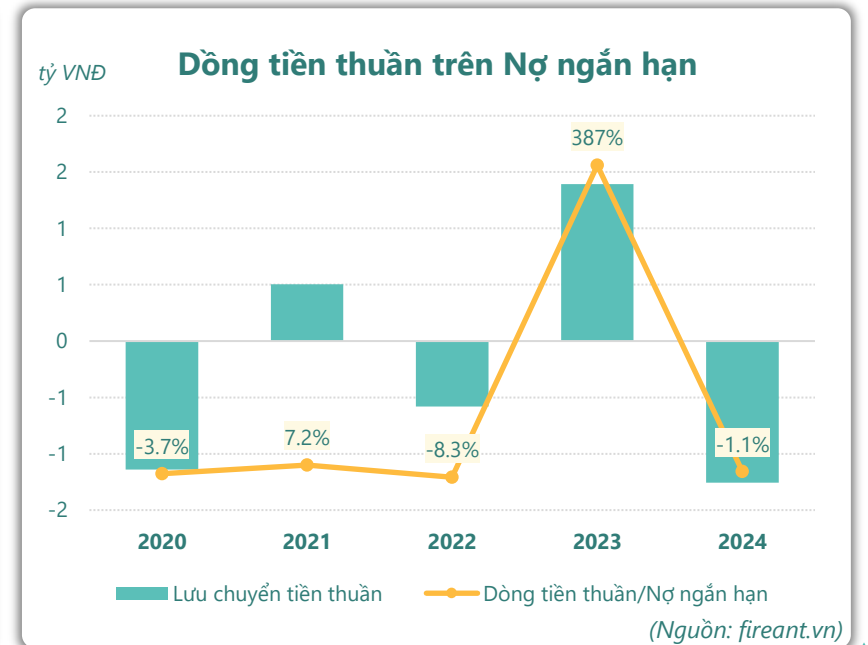
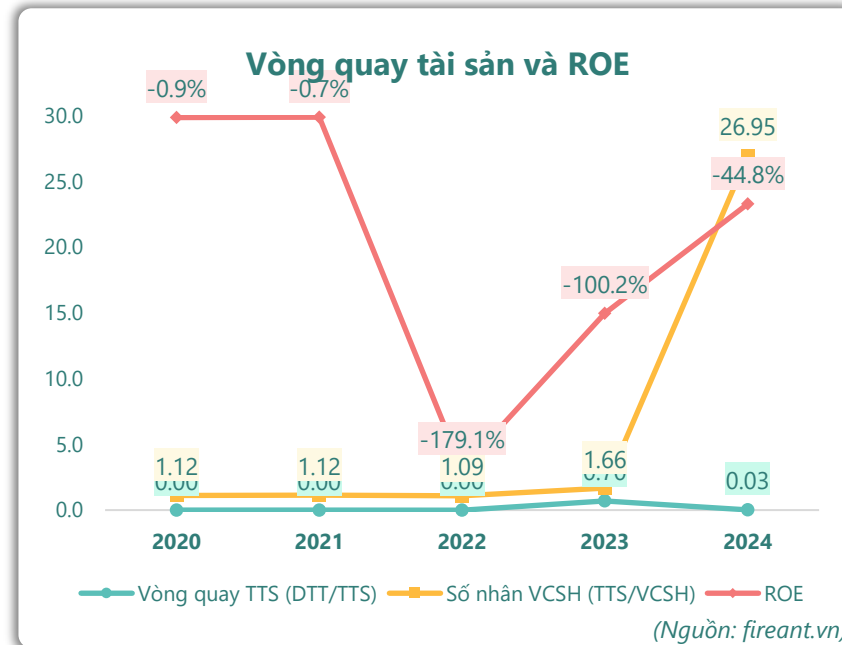
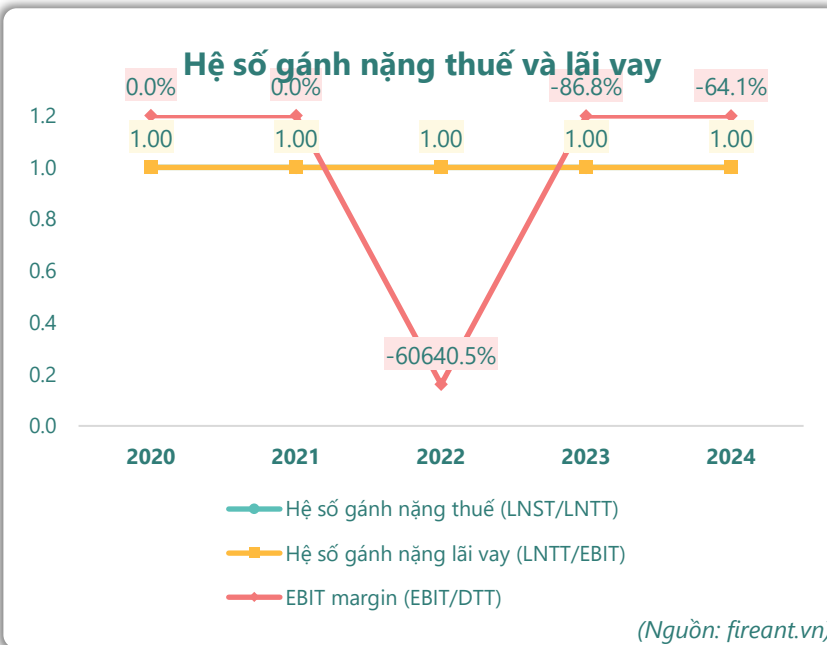
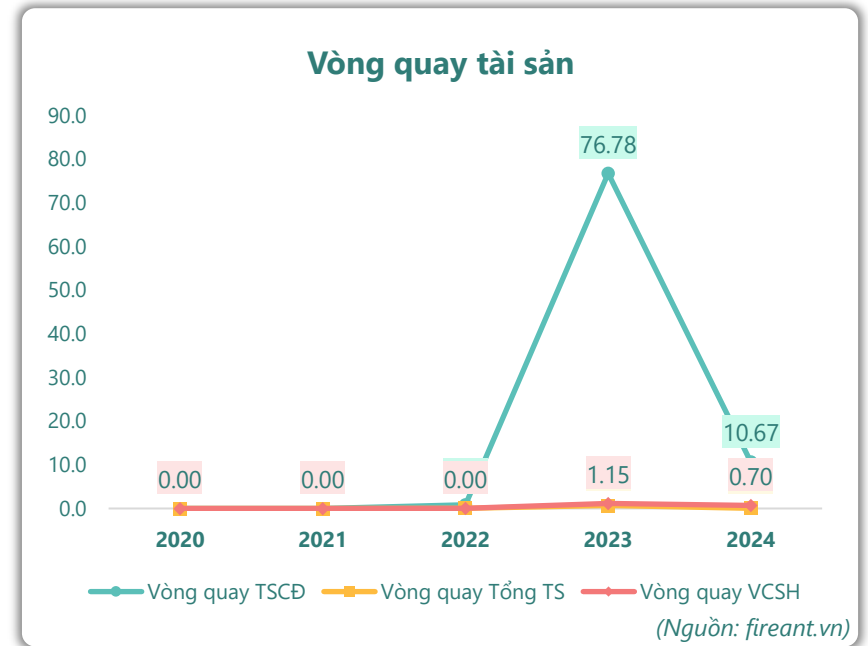
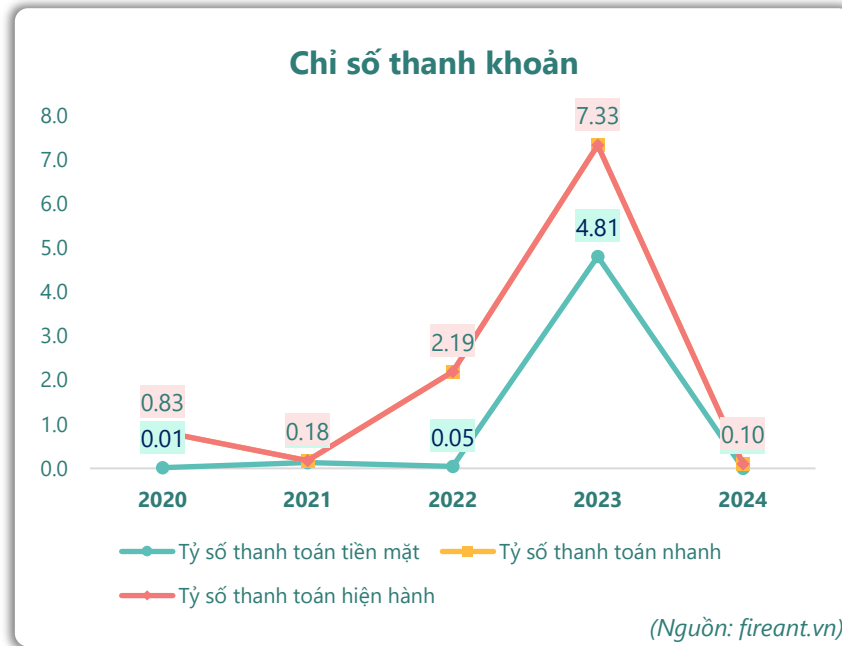
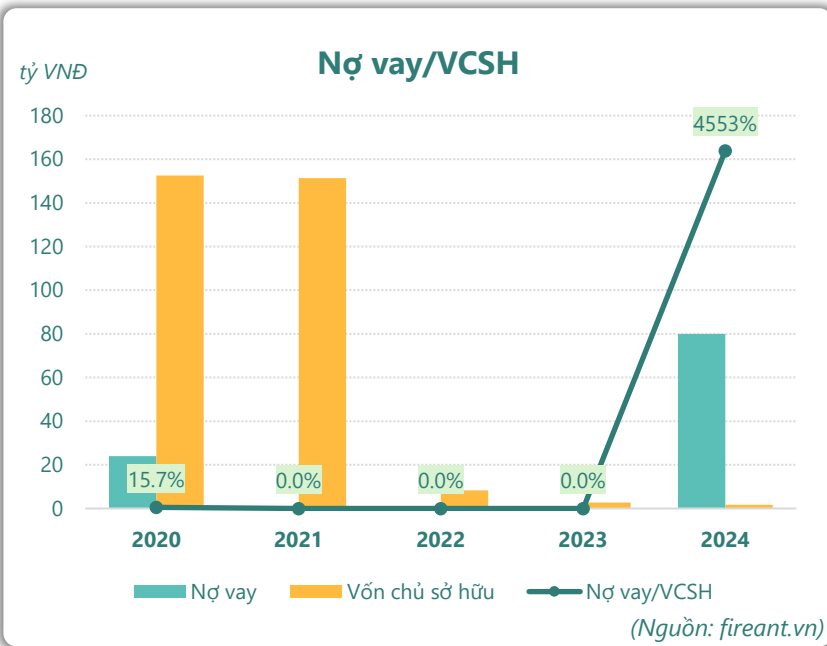
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	0	0.00		0.32	1.39	-77.3%
Giá vốn hàng bán	0	0.00		0.31	1.35	-76.9%
Lợi nhuận gộp	0	0.00		0.00	0.04	-88.8%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	-92.5%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	0.12	0.18	-34.8%	0.43	0.72	-40.5%
LN thuần từ HĐKD	-0.12	-0.18	34.8%	-0.43	-0.68	37.4%
Lợi nhuận khác	0	-0.03	100%	-0.15	-0.03	-408%
LN trước thuế	-0.12	-0.21	44.1%	-0.57	-0.71	19.1%
Lợi nhuận sau thuế	-0.12	-0.21	44.1%	-0.57	-0.71	19.1%
LNST của CĐ cty mẹ	-0.12	-0.21	44.1%	-0.57	-0.71	19.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.66	-1.06	-79.6	-72.2	-0.27	145
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0.00	0.00	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	80.0	72.0	0	-145
Tiền đầu kỳ	0.47	1.13	0.07	0.47	0.31	0.04
Lưu chuyển tiền thuần	0.66	-1.06	0.40	-0.16	-0.27	0.23
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.13	0.07	0.47	0.31	0.04	0.27

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	8.61	119	-92.8%
Tài sản ngắn hạn	8.32	12.1	-31.0%
Tiền và tương đương tiền	0.27	0.47	-42.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	7.38	0.63	1065%
Hàng tồn kho	0.15	0.04	249%
Tài sản ngắn hạn khác	0.52	10.9	-95.2%
Tài sản dài hạn	0.29	107	-99.7%
Phải thu dài hạn	0	0.08	-100%
Tài sản cố định	0.10	0.13	-22.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.19	106	-99.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0.24	-100%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	7.43	117	-93.7%
Nợ ngắn hạn	7.43	117	-93.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6.84	80.0	-91.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.08	36.7	-99.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1.18	1.76	-32.7%
Vốn chủ sở hữu	1.18	1.76	-32.7%
Vốn điều lệ	173	173	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

